

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/9/2024

V/v: ly hôn, tranh chấp

về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Nhuận

2. Bà Hà Thị Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chinh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Chăm Bá T - Sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn Lùm N, xã Vạn X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: chị Lương Thị K - Sinh năm 2000

Địa chỉ: bản N, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa anh Chăm Bá T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Lương Thị K vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2024, Bản tự khai ngày 19/6/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Chăm Bá T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Lương Thị K tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn vào ngày 07/9/2020. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường đến khoảng năm 2020 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do: vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, dần dần hai bên không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn thường xuyên và ngày càng trầm trọng hơn. Anh và chị K đã ly thân kể từ năm 2020 đến nay không ai quan tâm tới nhau nữa.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị K được ly hôn.

Về con chung: anh và chị K có một con chung Chăm Minh K, sinh ngày 02/9/2020. Hiện cháu K đang sống cùng chị K và ông bà ngoại. Khi ly hôn, anh đề nghị giao cháu K cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K.

Về tài sản và công nợ: anh Chăm Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh Chăm Bá T đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Chăm Bá T còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Căn cước công dân của anh và chị K (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh cháu Chăm Minh K (bản sao); Xác nhận thông tin nơi cư trú; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án.

* *Về bị đơn*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp và phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng chị K không có mặt theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không thể tiếp cận được với chị K để lấy lời khai của chị.

* *Tại biên bản xác minh ngày 15/8/2024*, ông Lương Văn L là cha ruột chị Lương Thị K, cho biết:

Về hôn nhân: anh T và chị K kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Thanh vào năm 2020. Sau khi kết hôn, anh T, chị K sinh sống cùng gia đình ông tại bản N, xã T, huyện Q. Sau khi sống chung và có con chung được khoảng vài tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng kết quả không thành. Hiện chị K và anh T đã ly thân. Nay anh T xin ly hôn chị K thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: anh T, chị K có một con chung Chăm Minh K, sinh năm 2020. Hiện cháu K đang sống cùng chị K và gia đình ông. Nếu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản và công nợ: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và ý kiến của chị K: ông Lương đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị K và đã thông báo lại ngay cho chị K. Chị K đã biết anh T khởi kiện ly hôn và nuôi con chung

nhưng vì chị K đang đi làm xa nên không về được. Quan điểm của chị K là đồng ý ly hôn với anh T, đồng ý việc anh T giao con chung là Chăm Minh K cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng; chị K cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ.

* *Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Chăm Bá T đối với bị đơn chị Lương Thị K và giao con chung của anh, chị là Chăm Minh K cho chị K có quyền trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về án phí, anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Chăm Bá T và chị Lương Thị K các văn bản tố tụng của Tòa án; anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị K vắng mặt hai lần không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị K.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Chăm Bá T và chị Lương Thị K tự nguyện kết hôn ngày 07/9/2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, hôn nhân giữa anh T và chị K là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Thực tế, vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Lương Thị K.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện 11/6/2024, Bản tự khai ngày 19/6/2024; Biên bản xác minh lấy ý kiến của cha ruột chị K là ông Lương Văn L mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng

mâu thuẫn hôn nhân của anh T, chị K thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc.

Nay anh T có đơn ly hôn, HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của anh T đối với chị K.

[4] Về con chung: anh T và chị K có một con chung là Chăm Minh K, sinh ngày 02/9/2020. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng giao con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét nguyện vọng của anh T về trách nhiệm nuôi con:

Qua chứng cứ các bên cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án, HĐXX thấy rằng, nguyện vọng của anh T là chính đáng, phù hợp; việc giao con chung cho ai nuôi phải xem xét tất cả các điều kiện liên quan đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất cho các cháu. Hiện cháu Chăm Minh K đang học tập ổn định, phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ, đang sinh sống cùng chị K và gia đình bố mẹ ruột chị K. Do vậy, giao con chung Chăm Minh K cho chị K chăm sóc, nuôi dưỡng cũng phù hợp với thực tế và tốt hơn cho sự phát triển của cháu.

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của anh T; Giao cháu Chăm Minh K, sinh ngày 02/9/2020 là con chung của anh T, chị K cho chị K có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: anh T không đề nghị nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản, công nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Chăm Bá T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

[8] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật TTDĐ; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cẩm Bá T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cẩm Bá T được ly hôn chị Lương Thị K.

Về con chung: Giao cho chị Lương Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Cẩm Minh K, sinh ngày 02/9/2020. anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K.

Anh Cẩm Bá T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Cẩm Bá T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo biên lai thu số 0002506, ký hiệu BLTU/23 ngày 11/6/2024. anh T đã nộp đủ án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Tam Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Tùng